



ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY ĐẾN PHONG TRÀO THƠ MỚI

BAN CHUYÊN MÔN NGỮ VĂN – THE GIFTED BATTLEFIELD

Mục lục

A. SƠ LƯỢC VỀ PHONG TRÀO THƠ MỚI.....	2
B. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH DU NHẬP VĂN HỌC VÀ VĂN HOÁ PHƯƠNG TÂY	2
I. Tình hình thế giới, Việt Nam thế kỷ XX và du nhập văn hoá.....	2
II. Du nhập các nét mới trong văn học Đông Tây & Sự giao thoa Đông Tây trong Thơ Mới	3
C. ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY ĐẾN THƠ MỚI	5
I. Sự chuyển mình về hình thức.....	5
II. Cái tôi cá nhân	6
D. TÀI LIỆU THAM KHẢO	12

A. SƠ LƯỢC VỀ PHONG TRÀO THƠ MỚI

Các nhà thơ mới mang trong mình khát vọng tự thân giải phóng thi ca nước nhà, thoát khỏi những quy phạm về hình thức và đề tài. Xuất phát từ sự chuyển biến trong cái tôi cá nhân, mong muốn trút bỏ hết mọi lớp vỏ hào nhoáng bên ngoài để quay về với chân tâm thuần túy nhất, con người trong Thơ Mới trần trụi, như bộc bạch hết nỗi niềm lên men bấy lâu. Không còn cái dáng vẻ ngượng nghịu, e thẹn khi nói ra quan điểm, không còn sự chần chừ, ấp úng không dám tỏ bày. Tất cả những cảm xúc dồn nén và rồi bùng nổ thành hàng loạt những đóa hoa thơm tươi hương sắc.

Bằng vốn tri thức tiếp nhận của văn hoá, văn học Phương Tây và bước phát triển về nhận thức của “người nước mình”, một loại hình thơ đã hình thành, oanh tạc trên khắp các trang báo chí: Thơ Mới.

Tuy nhiên, làn gió mới - lạ như thế đã phá vỡ những giới hạn, khuôn phép của thơ truyền thống. Sự xung đột giữa “thơ cũ” và Thơ Mới với sự góp mặt của cả hai phe, đã gây nên một “cuộc cách mạng trong thi ca” bùng nổ mãnh liệt. Năm 1932, Phan Khôi viết “*Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ*” và “*Tình già*”, là phát súng khai màn cho một cuộc bút chiến đã oanh tạc thời đại lúc bấy giờ.

Cuối cùng, tân kịch mới cũ trong phạm vi thi ca đã kết liễu. Thơ Mới đã giành được quyền sống, đã chiếm hầu hết báo chí sách vở, đã len vào học đường, bắt đầu một thời đại thi ca sáng lòa, rực rỡ.

B. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH DU NHẬP VĂN HỌC VÀ VĂN HOÁ PHƯƠNG TÂY

I. Tình hình thế giới, Việt Nam thế kỷ XX và du nhập văn hoá

Nhìn chung, thế kỷ XX là tổng hòa của một loạt những vụ nổ, đại diện cho các cột mốc tiêu biểu của nhân loại. Trên thế giới là hai cuộc chiến tranh làm rung động cả một thời đại lịch sử: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) và Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945). Bên cạnh đó là tham vọng muốn độc tôn quyền lực của các nước tư bản, hội họp bầu xé vào Á, Phi như chiếc bánh được chia thành nhiều mảnh, vỡ nát trong vòm họng của kẻ quyền lực. Cùng chung cảnh ngộ với nhiều nước láng giềng trong khu vực, Việt Nam là một trong những quốc gia phương Đông chịu ảnh hưởng sâu sắc các giá trị của phương Tây do khoảng thời gian bị trị kéo dài.

Tình hình Việt Nam thế kỷ XX có nhiều biến động. Quá trình đấu tranh kiên gan gìn giữ bờ cõi nước nhà là cốt tủy trong giai đoạn này. Đó là sự giằng co từ thể xác đến nội tâm để chống lại thực trạng bị đồng hoá, chống lại ám ảnh phai mờ những giá trị truyền thống. Chiến tranh liên miên, bom rơi đạn lạc, nạn đói xuất hiện như cơn sóng thần cuốn đi hết tất cả mầm mống sự sống, nhưng không dập tắt được khát vọng kháng chiến của nhân dân. Nhân dân thời kỳ này bắt đầu hình thành ý thức phản kháng, tạo động lực thúc đẩy các phong trào chiến đấu, trước hết diễn ra một cách bộc phát, thôn quê đến từ người nông dân lam lũ cầm giáo, cầm liềm mà hô vang trên chiến trận. Con người lúc này tồn tại như những “khổ chủ”, những gánh nặng vật chất và những mối đe dọa từ các thế lực ngoại bang khiến chúng ta phải mong cầu một cuộc thay đổi, cách tân.

Một cơn gió mạnh hung tợn thổi đến, cả nền tảng xa xưa một phen điên đảo lung lay. Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ. Đất trời đâu đâu cũng thấy toàn màu “Tây”. Chúng

ta ở nhà Tây, đội mũ Tây, đi giày Tây, mặc áo Tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng hồ, ô tô, xe đạp...Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi.

Thanh thế của “Tây” bây giờ đã to lớn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận các giá trị tiến bộ ở Phương Tây, đặc biệt là của Pháp. Trực tiếp chịu sự cai trị của thực dân, người Việt đã tiếp thu có chọn lọc lời hay, ý đẹp, làm giàu văn hoá đất mình.

Một trong những tấm áo mới khoác lên, và khoác mãi cho đến tận hôm nay, trở thành hồn cốt của nước Nam ta, chính là chữ Quốc ngữ. Hàng loạt mấy mươi chữ cái Latinh ồ ạt đổ vào dải đất hình chữ S, những chữ tròn trịa, cong cong cứ thế mà tồn tại qua nhiều thập niên, trở thành ngôn ngữ chính thức trong giao tiếp và giáo dục của nhân dân.

Sau đó, nhờ ánh sáng của tư tưởng Đảng, kháng chiến nước ta đã bước sang một trang mới. Trong lúc này, những giá trị tư tưởng đột phá được hình thành, cởi trói con người khỏi cái đói, cái nghèo vật chất, thậm chí là căn cốt trong tâm hồn. Xu hướng vượt khỏi giới hạn, đi chệch khỏi con đường mòn hẳn vốn nhiều người đã qua lại thể hiện rõ trong cách thức tổ chức kháng chiến và trong đa dạng các lĩnh vực đời sống và lĩnh vực nghệ thuật khác.

Vì vậy, ý thức về cái tôi, sự đổi mới cũng đã manh nha trong văn chương thời này nói chung, đặc biệt là địa hạt Thơ Mới. Hình thành trong giai đoạn “dầu sôi lửa bỏng”, không chỉ thể hiện nỗi buồn man mác về thế sự nhân sinh, mà thấp thoáng còn có túp lều hy vọng sừng sững giữa sườn đồi ô trọc nhân tính, mở ra một “cuộc cách mạng thi ca” đã khai thông và mở rộng tầm vóc của văn chương nghệ thuật hơn bao giờ hết.

II. Du nhập các nét mới trong văn học Đông Tây & Sự giao thoa Đông Tây trong Thơ Mới

Thơ Mới đã nã một phát súng khai trương chương đời, chương văn mới và khép lại chương “cũ”. Các thi nhân bấy giờ kiên quyết giành quyền thắng lợi cho một loại hình thơ cách tân cả về văn thể lẫn ý tưởng. Do vậy, ảnh hưởng của tư tưởng phương Tây đối với việc hình thành tiếng thơ độc đáo và giải phóng cái tôi cá nhân là vô cùng quan trọng. Trên cội rễ là tư tưởng phương Đông, Thơ Mới tiếp nhận những khuynh hướng hiện đại từ phương Tây. Do đó, tư tưởng mô hình phương Tây đã tạo ra một cuộc cách mạng làm thay đổi cục diện trên làng thơ Việt.

Bên cạnh đó, đào sâu vào linh hồn của Thơ Mới, vẫn xuất hiện hơi thở của tư tưởng phương Đông truyền thống, nhưng được biểu lộ dưới một dạng thức khác. Suy cho cùng, Thơ Mới là kết tinh để đời của sự giao thoa văn hoá Đông Tây, từ đó đạo những bản đàn tân kỳ cho một đời Thơ đương sắp sửa.

Tôn chỉ của con người Việt Nam là tiếp thu và tiếp biến có chọn lọc, do đó, các nét ảnh hưởng đến loại hình Thơ Mới, đặc biệt là sự xuất hiện của các chủ nghĩa phương Tây, sẽ được học hỏi và linh động tiếp biến cho phù hợp với hoàn cảnh và mục đích sáng tác.

1. Sự tự do và giải phóng tư tưởng

Về bình diện nhận thức, Phương Tây vốn có nguồn gốc du mục, trọng động, nhìn thế giới như các thành tố. Do đó cách tiếp cận của họ về thế giới cũng có thiên hướng cởi mở, thoải mái và tự do. Chịu ảnh hưởng do tiếp xúc với nhiều người Tây, nhân dân ta cũng có sự thay đổi về mặt nhận thức rõ rệt. Nhân dân ta khi ấy biết rằng muốn thoát khỏi tình cảnh hiện tại thì cần một giá trị mới, nếu không ta sẽ mãi sống lãnh đạm trong cái ao đời chật hẹp. Do đó, xu hướng mong muốn được giải phóng về thể xác, được trao trả sự tự do và thoải mái về tinh thần, đã tung hoành ngang dọc ở mảnh vườn văn chương, tạo ra một cú hích thôi thúc các thi nhân mặc bút sáng tác.

2. Chủ nghĩa lãng mạn

Nhắc đến một trong những chủ nghĩa phương Tây đóng vai trò chủ chốt trong việc định hình phong cách của các thi sĩ Thơ Mới, không thể vắng bóng sự xuất hiện của *Chủ nghĩa lãng mạn*. Chủ nghĩa lãng mạn vừa là trào lưu văn học, vừa là phương pháp sáng tác, được hình thành ở Tây Âu sau cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Chủ nghĩa lãng mạn gồm một số những ý tưởng chính như sau:

- Một phần được thúc đẩy bởi chủ nghĩa lý tưởng của Cách mạng Pháp, chủ nghĩa Lãng mạn tiếp nhận sự tranh đấu giành lấy tự do và bình đẳng và thúc đẩy công lý.
- Chủ nghĩa Lãng mạn coi trọng tính cá nhân và tính chủ quan để chống lại sự nhấn mạnh quá mức vào suy nghĩ logic. Các nghệ sĩ bắt đầu khám phá nhiều trạng thái cảm xúc và tâm lý cũng như tâm trạng.
- Chủ nghĩa Lãng mạn xuất hiện với xu thế hướng về thiên nhiên, phong cảnh. Các nhà thơ như những du khách đang thường lăm bực tranh, và rồi được khơi mạch nguồn sáng tác. Thiên nhiên được cảm thụ dưới đôi mắt tinh tế, cảm nghiệm và tràn đầy sức sống, đôi khi là tấm gương để soi chiếu những điều kín nhiệm u uất trong lòng tác giả.

3. Chủ nghĩa tượng trưng

Thơ tượng trưng được lòng sống đông. Nhất là Baudelaire, người đầu tiên đã khơi nguồn thơ ấy. Các nhà thơ trong thời đại Thơ Mới, ít nhiều đều chịu ảnh hưởng bởi Baudelaire, thậm chí đến độ ám ảnh. *Từ Xuân Diệu, Huy Cận, thơ Việt Nam đã có tính cách của thơ Pháp lối tượng trưng. Nhưng còn dè dặt. Bích Khê và ít người nữa như Xuân Sanh, muốn đi đến chỗ người ta thường cho là cao nhất trong thơ tượng trưng: Mallarmé, Valéry.* (Hoài Thanh, Hoài Chân - Thi Nhân Việt Nam)

Năm 1889, nhà văn kiêm nhà phê bình người Hy Lạp công khai bản Tuyên Ngôn chủ nghĩa tượng trưng. Theo Moréas, chủ nghĩa Tượng trưng: “đề cao tính sáng tạo trong nghệ thuật”, hướng tới tính chủ quan. Có quan hệ mật thiết với Trường phái Lãng mạn và Trường phái Hiện thực, chủ nghĩa tượng trưng là một mảnh đất cung cấp nhiều phù sa cho Thơ Mới. Sau đây là một số những đặc điểm của chủ nghĩa tượng trưng:

- Đối với chủ nghĩa tượng trưng, mỗi câu từ đều được mang theo một giá trị đặc biệt, có nhạc tính và gợi cảm hơn là có nghĩa. Chính vì vậy trước khi “trình làng” tác phẩm, nhà thơ phải tinh chiết câu từ sao cho thật cô đúc, gãy gọn nhưng hàm chứa nhiều tầng và sâu xa.
- Chủ nghĩa tượng trưng dọn đường cho cách mạng thơ thời hiện đại. Những trường phái cách tân của thế kỷ XX như trường phái Lập thể, trường phái Dada, trường phái Siêu thực sẽ mượn những mục tiêu của chủ



nghĩa tượng trưng như: ý muốn giải thoát thơ; từ chối chủ nghĩa hiện thực, khôi phục giấc mơ, khát vọng được chìm vào những bí ẩn của cái lạ lùng.

4. Chủ nghĩa siêu thực

Khi nhắc đến những phong trào cách tân văn chương quan trọng trong thế kỷ XX, không ai bỏ qua chủ nghĩa siêu thực (surréalisme). Chủ nghĩa siêu thực là một trong những mảnh đất mà các thi nhân Việt tiếp tục cày xới và vun trồng, tạo nên cơ sở lý thuyết đồ sộ và những nét chấm phá trên thi đàn. Những con người thơ tiêu biểu trong khu vực này là Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên.

Tiền thân là chủ nghĩa Dada, sau được nhà thơ Apollinaire đặt tên. Đến năm 1924, thủ lĩnh của chủ nghĩa siêu thực là nhà thơ Pháp A. Breton mới lý thuyết hóa chủ nghĩa siêu thực bằng *"Tuyên ngôn thống nhất của chủ nghĩa siêu thực"*. Một số các đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa siêu thực:

- *"Sự tự động của tinh thần tuý nhằm mục đích thể hiện bằng lời nói hoặc chữ viết [...] Các tư tưởng được tự do bộc lộ, không phải chịu bất kỳ một sự kiểm soát nào của lý trí hay của những thành kiến đạo đức và thẩm mỹ"*. (A. Breton)
- Các nhà văn siêu thực xây dựng tác phẩm hoàn toàn dựa trên những thủ pháp như: Sự tương tự, cái nghịch lý, sự bất ngờ, sự thống nhất những cái không thể thống nhất được; qua đó, xuất hiện một bầu không khí nghệ thuật đặc biệt có tính huyền ảo, phi lý...

C. ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY ĐẾN THƠ MỚI

I. Sự chuyển mình về hình thức

1. Thơ cũ và thơ Mới

Thơ trung đại chịu ảnh hưởng nhiều từ thơ Đường với những quy tắc về niêm, luật và vần cần được tuân thủ xuyên suốt bài thơ. Những quy tắc này đôi khi giới hạn thơ ca trong những khuôn khổ nhất định.

Vượt lên tất cả những giới hạn, quy luật về cách bố cục, cách gieo vần, ngắt nhịp,... trong thơ thời kì trước, Thơ mới giải phóng sự tự do trong sáng tác, là địa hạt vô biên của sự sáng tạo khởi nguồn từ chính cảm xúc cá nhân của người nghệ sĩ. Thế giới của Thơ mới là thế giới tự do, thế giới với đa dạng chủ đề nội dung, tư tưởng và thẩm mỹ.

2. Nhạc điệu

Nhạc tính trong Thơ mới được thể hiện qua nhiều cách, thường kết hợp cách gieo bằng - trắc của các thể thơ dân gian như lục bát, ca dao nhưng được sáng tạo lại theo cảm xúc cá nhân của nhà thơ bằng cách thay đổi nhịp ngắt, cách gieo vần,... Hoặc cũng có thể đến từ việc sử dụng những từ láy tượng thanh để miêu tả thanh âm và không gian của bài thơ.

Ngoài ra, nhạc điệu trong Thơ mới còn được bộc lộ một cách tự nhiên qua tình cảm, "tiếng nhạc lòng" chân thật của người nghệ sĩ.

⇒ Nhạc điệu đến từ cảm xúc riêng và sự sáng tạo, đổi mới của nhà thơ.

3. Vần điệu

Thơ mới không còn quá đặt nặng vấn đề gieo vần và nhịp điệu trong thơ, tuy nhiên vẫn kết thừa một số quy tắc để tác phẩm êm ái và du dương hơn.

Ba quy tắc hình thành vần điệu là: hiệp vần, phối thanh và hoà âm, ngắt nhịp.

II. Cái tôi cá nhân

1. Cái tôi cô đơn

Nhà văn Hoài Chân trong bài “*Vẽ cái buồn trong thơ mới*” viết rằng: “Đúng là Thơ mới buồn, buồn nhiều”, nhưng cái buồn trong Thơ mới không phải là cái buồn thoáng qua hay lướt mướt, ủy mị mà là nỗi sầu của những tâm hồn cô độc, lạc lõng giữa cuộc đời hoặc của những mảnh hồn luôn hoài vọng quá khứ phai tàn, mang đậm nỗi sầu cô độc giữa thời đại: “Lũ chúng ta đều thai làm thế kỷ”. (Vũ Hoàng Chương)

Nỗi cô đơn phảng phất trên những trang thơ của thi nhân theo nhiều cách khác nhau. Sự cô độc ấy có thể là nỗi lòng của Thế Lữ bộc bạch qua lời con hổ bị giam cầm, tù hãm trong vườn bách thú đang hoài niệm, nhớ nhung về “thuở tung hoành, hồng hách những ngày xưa”:

“Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua”

Dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn phương Tây, hình ảnh chúa sơn lâm bị “nhục nhằn tù hãm” trong vườn bách thú là hình tượng hóa thân của nhân vật lãng mạn và những uất ức, xót xa của chủ thể trữ tình đều được bày tỏ thông qua hình tượng con hổ.

Tâm thức cô đơn cũng được thể hiện rõ nét qua tập thơ “*Lửa thiêng*” của nhà thơ Huy Cận, người tự cảm thấy bản thân mình là:

“Một chiếc linh hồn nhỏ
Mang danh thiên cổ sầu”

Trong tập “*Lửa thiêng*”, không khó để tìm thấy nỗi buồn phảng phất trong những áng thơ của Huy Cận, nhất là nỗi buồn của kiếp người nhỏ bé giữa không gian trời đất, vũ trụ mênh mông. Trong thi phẩm “*Tràng giang*”, nhà thơ gọi ra miền không gian thênh thang mà hoang vắng của đất trời, bến bờ và sông nước, qua đó càng làm nổi bật sự bé nhỏ, cô đơn của con người:

“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng”

Một vùng sông nước mênh mông hiện ra trong “*Tràng giang*”, nhưng song hành cùng khoảng không gian bao la ấy là một nỗi buồn trùng trùng điệp điệp. Những cụm tính từ như “buồn điệp điệp” hay “sầu trăm ngả” càng làm không khí trên mặt sông như chùng xuống theo tâm trạng thi nhân. Sử dụng nghệ thuật tương phản đặc trưng của chủ nghĩa lãng mạn, Huy Cận đặt hình ảnh “Củi một cành khô” lạc giữa dòng nước và khung cảnh bao la nặng nỗi sầu càng làm nổi bật sự cô độc, đơn lẻ của cảnh củi - hay một kiếp người, một tâm hồn giữa cuộc đời.

Hoặc đôi khi, nỗi buồn ghé qua tình cờ như một làn gió, thổi vào hồn thơ Huy Cận những phút giây bất chợt: “Phát phơ buồn tự thuở xưa thổi về”.

Không dừng lại ở nỗi buồn, cái tôi cô đơn trong thơ Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử nói riêng và các thi sĩ thuộc trường thơ Loạn nói chung còn mang đậm nét thần bí, ám ảnh và thậm chí điên loạn của thế giới siêu thực trong tâm trí.

Chế Lan Viên xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam như một hiện tượng rừng rợn, bí ẩn với tập thơ “*Điêu tàn*” - lời than khóc ảo não tiếc thương cho dĩ vãng của vương quốc Chiêm Thành. Và trên đoạn đường tìm về cố quốc vĩnh viễn chỉ có nỗi cô đơn tột cùng đồng hành cùng nhà thơ...

“Đường về thu trước xa lắm lắm
Mà kẻ đi về chỉ một tôi”

Thế giới trong “*Điêu tàn*” là thế giới điên loạn, mê sảng, thế giới siêu thực từ nỗi xót xa u uất của Chế Lan Viên đối với sự suy vong của vương quốc Chăm Pa. Bao trùm toàn bộ tập thơ là tâm trạng u ám, não nề đầy xót xa của thi nhân nhìn về cố quốc với những hình ảnh kinh dị như xương trắng, nắm mồ và những “bóng ma Hời”,... Tất cả tạo nên những không gian và hình ảnh siêu thực vừa độc đáo vừa lạnh lẽo và rợn người:

“Những đèn xưa đổ nát dưới Thời Gian
Những sông vắng lẻ mình trong bóng tối
Những tượng Chàm lở lói rỉ rên than”
(*Trên đường về*)

Hay

“Ta sẽ cắn lưỡi ta cho rõ huyết
Phun lên nền xương trắng rợn hơi ma
Để thức tỉnh bao giác quan tê liệt
Sẽ truyền cho sức điện của hồn ta”
(*Xương vỡ, máu trào*)

Đứng ở thế kỉ XX nhìn về quá khứ, vương quốc Chăm Pa thuở nào giờ trong mắt Chế Lan Viên chỉ còn là đồng hoang tàn đổ nát với trong vũng máu, xương và sợ người. Những “tượng Chàm” như cũng “rỉ rên than” khóc cho một

triều đại đã suy vong, và dường như tất cả những hình ảnh ấy, cùng với sự ảnh hưởng của chủ nghĩa siêu thực phương Tây đã “thức tỉnh bao giác quan tê liệt” của Chế Lan Viên, giúp thi nhân vượt qua khỏi lần ranh của thế giới hiện thực và lạc bước vào cõi u minh hoang vắng đến rừng rợn sâu trong tiềm thức.

2. Cái tôi trữ tình lãng mạn

Khuynh hướng chung của phong trào Thơ mới là khuynh hướng lãng mạn, ảnh hưởng từ chủ nghĩa lãng mạn của văn học phương Tây. Văn học lãng mạn đề cao những tình cảm, khát khao của con người nhằm khẳng định cái tôi cá nhân của từng nhà thơ. Vì thế nên cái tôi trong Thơ mới thường là cái tôi trữ tình với cảm xúc mãnh liệt và mang đậm nét riêng của từng cá nhân.

Nhắc đến cái tôi lãng mạn thì không thể không nhắc đến Xuân Diệu. Chẳng phải tự nhiên mà nhà văn Hoài Thanh cho rằng ông là “nhà thơ mới nhất trong những nhà Thơ mới”, thế giới thơ của Xuân Diệu như một làn gió mới thổi vào nền văn học hiện đại Việt Nam lúc bấy giờ, mở ra thời kì hoàng kim của phong trào Thơ mới. Cái tôi của Xuân Diệu là cái tôi vội vàng, giục giã vì sợ sẽ vượt mất phút giây đẹp đẽ của tình yêu, của thiên nhiên...

“Mau với chứ, vội vàng lên với chứ!
Em ơi em, tình non sắp già rồi ”

Hoặc:

“Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa”

... Cũng có thể là cái tôi với tình yêu cuộc đời và thiên nhiên mãnh liệt, tha thiết cùng khao khát đắm chìm trong tình yêu trọn vẹn từng giây phút:

“Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!”

Đọc thơ Xuân Diệu, không khó để nhận ra dấu tích của chủ nghĩa lãng mạn phương Tây. Tình cảm cá nhân trong thơ ông luôn bùng cháy mãnh liệt trong từng câu chữ. Toàn bộ khổ thơ là điệp khúc “Ta muốn” - thể hiện khao khát hòa mình vào sức sống thiên nhiên của Xuân Diệu, để rồi câu thơ cuối đã giải phóng tất cả những cảm xúc đang dâng trào mạnh mẽ: “Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!” Trong mắt nhà thơ, “xuân” là một vật thể hữu hình đang mời gọi với vẻ đẹp hồng hào, mơn mơn nhất. Có lẽ vì quá đắm say với ái tình và cuộc đời mà dòng chảy thi ca của Xuân Diệu lúc nào cũng rạo rực, mới mẻ trước những vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.

Đối lập với lối thơ Xuân Diệu đầy mới mẻ, Nguyễn Bính tuy nổi lên trong phong trào Thơ mới nhưng lại mang một nét thơ rất “chân quê”, giản dị. Cái tôi trong thơ Nguyễn Bính là cái tôi chân chất, mộc mạc nhưng vẫn mang nét lãng mạn của “nước giếng thơ”, “thôn Đoài”, “thôn Đông”, “cái áo tứ thân”,... Nét truyền thống lâu đời tựa lớp trầm tích dưới dòng chảy cách tân của phong trào Thơ mới tạo nên nét độc đáo trong cái tôi trữ tình của Nguyễn Bính, vừa lãng mạn, da diết nhưng cũng vừa chân thực, giản dị.

Cái tôi trong thơ Nguyễn Bính thường là những tình cảm sâu sắc, tha thiết được bộc lộ một cách kín đáo và tinh tế. Không như Xuân Diệu bày tỏ cảm xúc mãnh liệt, rạo rực một cách trực tiếp: “Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh/ Anh nhớ em, anh nhớ lắm! Em ơi”, Nguyễn Bính mượn hình ảnh thôn Đoài, thôn Đông hoặc bến, đò - những hình ảnh rất quen thuộc trong câu ca dao Việt Nam để gửi gắm tình cảm của chủ thể trữ tình:

“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông”
“Bao giờ bến mới gặp đò?”
“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?”

Sự giản đơn, mộc mạc trong cách Nguyễn Bính chọn hình ảnh thơ để viết về tình yêu cũng góp phần tạo nên cái tôi lãng mạn rất riêng của thi nhân. Đối với Nguyễn Bính, tình yêu hiện hữu qua những sự vật, khung cảnh tưởng chừng như bình thường và quê mùa nhất như “vườn chè”, “một gian nho nhỏ”, “tơ” và “vùng”:

“Sáng giăng chia nửa vườn chè
Một gian nho nhỏ đi về có nhau”
(*Thời trước*)

“Ví chăng nhớ có như tơ nhỉ
Em thử quay xem được mấy vòng?
Ví chăng nhớ có như vùng nhỉ
Em thử lèo xem được mấy thương?”
(*Nhớ I*)

Và chính những nét thơ hồn hậu, chân thành ấy đã khẳng định vị trí của Nguyễn Bính trên thi đàn Việt Nam suốt gần một thế kỷ qua. Để khi nhắc đến Thơ mới ngoài những vần thơ mãnh liệt, gấp gáp của Xuân Diệu, điên loạn của Hàn Mặc Tử, người ta còn nhớ và rung động trước một hồn thơ Nguyễn Bính chân chất, mộc mạc và nguyên sơ trước vẻ đẹp của tình yêu.



3. Cái tình (Tình cảm) & Chủ nghĩa lãng mạn

“Chủ nghĩa lãng mạn, đó là thế giới nội tâm của con người, thế giới của tâm hồn và trái tim” - Belinski. Chủ nghĩa lãng mạn đích thực là tiếng kêu tự nhiên của con tâm, là những xúc cảm chân thành bật ra từ cổ họng của các nhà nghệ sĩ. Vốn được thai nghén bởi khát vọng *thoát khỏi thực tại* tối tăm, u ám, chủ nghĩa lãng mạn là hiện thân của những con người có văn hoá, có lương tri, và nhận thức tiến bộ. Những con người mang trong mình xu hướng sáng tác theo chủ nghĩa lãng mạn, thường hướng đến Cái Đẹp trong tâm tưởng, vượt lên trên một xã hội tầm thường, bất lực. Cùng với sự bùng nổ của cái tôi cá nhân, chủ nghĩa lãng mạn đã trở thành một thành tố không thể thiếu trong việc bồi đắp tinh hoa cho Văn chương, điển hình như trong giai đoạn Thơ Mới.

Biểu hiện hàng đầu của chủ nghĩa lãng mạn trong thơ mới là Cái Tình. Chữ tình dường như đã gán chặt vào nghiệp đời, cũng như nghiệp viết của nhiều thi nhân. Đó không đơn thuần chỉ là cảm xúc rung động bất chợt, mà đôi khi tha thiết đến nỗi có cảm tưởng tác giả đang dấn ta vào một thế giới “vô thực”, nơi chỉ tồn tại tình yêu màu đỏ - một tình yêu bỏng cháy, khao khát đến tột cùng. Mặt khác, các thi sĩ lúc này là những tình nhân, nhưng đồng thời cũng là nạn nhân của tình ái. Hay nói đúng hơn, chữ Tình đã cầm tù các nhà thơ, để họ vừa sướng vui, vừa đau thương trong chữ Tình và vì chữ Tình. Thông qua từng câu chữ, đã thể hiện cảm niệm triết học của nhà thơ. Đó là quan niệm triết học đã hòa làm một cùng với cảm quan nghệ thuật của người nghệ sĩ. Những con người ấy đã trở thành một kẻ đứng giữa lằn ranh của chủ nghĩa lãng mạn và tư tưởng triết học, lẫn cuộc sống phàm tục của con người. Các nhà thơ vừa mê man muốn thoát khỏi thực tại nhiều vết loang lổ, vừa ý thức rất rõ tình yêu và quan niệm sống của mình, vừa hiện lên như một cá thể đầy mâu thuẫn.

Một trong những người như thế, chính là người bị cột chặt vào chữ Tình: Xuân Diệu. Như thầy Chu Văn Sơn đã từng tâm niệm: “Ra khỏi chữ tình, Xuân Diệu đánh mất mình”. Ban đầu, chữ tình kia là một đặc sản oan trái của con người Xuân Diệu. Về sau, khi lâm vào cõi sáng tạo, thì chính chữ tình ấy đã làm nên diện mạo và tầm vóc của Xuân Diệu. Người đã đau trong tình yêu cuộc đời, đã ráo riết níu giữ khi nhận ra vạn vật đều chóng phai tàn:

“Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi”
(*Vội Vàng*)

Xuân Diệu yêu đời nên mới đau đời, tình yêu trong “*Vội Vàng*” không thể chỉ cất nghĩa thành tình yêu và khát vọng trân quý cuộc sống, mà đó còn là tình yêu của một kẻ ý thức rất rõ về “sự biến mất” của mọi thứ trên trần gian. Vì biết rằng rồi cũng hoá cát bụi, nên Xuân Diệu đã dằn trải lòng mình qua câu từ. Mặt khác, có đôi lúc Xuân dường như *cổ tình* mù mịt đi, thiếu tỉnh táo trong những câu thơ thả hồn vào thiên nhiên. Điều đó biểu hiện cái tôi cực kỳ riêng biệt của thi sĩ. Đó chính là xu hướng muốn vươn ra khỏi thực tại, khước từ quy luật phù phàng của thời gian.

Hay trong “*Vì sao*”, Xuân Diệu đã bộc bạch:

“Làm sao cất nghĩa được tình yêu!
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,

Bằng mây nhẹ nhẹ, gió hiu hiu...”

Thi phẩm không phải lời nghi vấn để Xuân Diệu hỏi ai, mà người tự hỏi chính mình, cũng tự mình hỏi đáp. Đây là tình yêu của một kẻ khát yêu nên không muốn phân định ranh giới, cắt nghĩa cụ thể tình yêu bằng một khái niệm. Cứ như vậy. Người đã đi trên một con đường riêng, nơi mà tình yêu chỉ là chính nó mà thôi.

Cái tôi cá nhân và hơi thở của chủ nghĩa lãng mạn đã cộng hưởng trong thơ Xuân Diệu như thế.

Thế giới thơ lãng mạn cho phép tự biến đổi và giàu tính chất đối nghịch, tương phản. Nhưng quan niệm thơ tự do, cởi mở kiểu lãng mạn này chủ yếu phát huy trong phạm vi thế giới tình cảm. Bài thơ “*Cây đàn muôn điệu*” của Thế Lữ đã thể hiện một tâm hồn rộng mở, đón lấy tinh túy của đời:

“Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẽ đẹp có muôn hình, muôn thể
Mượn lấy bút nàng Ly Tao, tôi vẽ,
Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca
Vẽ đẹp u trầm, đắm đuối, hay ngây thơ,
Cũng như vẽ Đẹp cao siêu, hùng tráng,
Của non nước, của thi văn, tư tưởng.”

Thế Lữ nhận mình là một “khách tình si”, mộ đạo cái đẹp. Tất cả những chi tiết dù là tế vi nhất của cuộc sống, cũng khiến nhà thơ muốn vẽ vời, hát ca. Một con người luôn đón nhận vẻ đẹp của thanh sắc trần gian, một con người sống vì Cái Đẹp, nâng niu và chở che cái đẹp như thế, đã được bộc lộ tất thảy những cảm xúc, sự ham thích của mình.

Thơ lãng mạn còn là cuộc đi tìm vô vọng những giá trị đã mất, là sự bất lực trước quy luật của thời gian, là giây phút mơ ngẩn ngủ về cái tương chừng sẽ trường tồn :

“Năm nay hoa đào nở,
Không thấy ông đồ xưa,
Những người muôn năm cũ,
Hồn ở đâu bây giờ ?”

(Vũ Đình Liên)

“Chiều ơi hãy xuống thăm ta với !
Thiên hạ lìa xa, đời trống không...”

(Huy Cận)



“Anh biết em đi chẳng trở về
Dặm dài liễu khuất với sương che
Em đừng ngoái lại nhìn anh nữa
Anh biết em đi chẳng trở về.”

Như vậy, yếu tố lãng mạn đã góp phần giúp cho Thơ Mới trở thành một sinh thể nghệ thuật pháp phùng sự sống. Tuyệt nhiên đó không phải những điều hoang đường, vô căn cứ, thoát ly hoàn toàn khỏi thực tại, mà là tình yêu, thế giới quan và chính tâm hồn nhà thơ. Tất cả đã hòa làm một, cho Thơ Mới một sự sống, một chỗ đứng vững chãi giữa đời nhiều bão giông.

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn Học, 2012.
- [2] Đỗ Lai Thúy, *Mất thơ*, NXB Hội Nhà Văn, 1992.
- [3] Chu Văn Sơn, *Ba đỉnh cao thơ mới: Xuân Diệu - Nguyễn Bình - Hàn Mặc Tử*, NXB Hội Nhà Văn, 2022.
- [4] Trần Đình Sử, *Thi pháp thơ lãng mạn*, 2021.
- [5] Ảnh hưởng văn học Pháp tới văn học Việt Nam trong giai đoạn 1932-1940 - Tạp chí Sông Hương. (2020, September 22). Tapchisonghuong.com.vn. <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p0/c7/n29444/Anh-huong-van-hoc-Phap-toi-van-hoc-Viet-Nam-trong-giai-doan-1932-1940.html>
- [6] Chuyên Đề: Đặc trưng của Chủ nghĩa lãng mạn qua một số truyện ngắn lãng mạn lớp 11. (2020, December 23). C3khoaichau.hungyen.edu.vn. <http://c3khoaichau.hungyen.edu.vn/tai-nguyen/thu-vien-anh/guong-mat-dai-su/to-ngu-van/chuyen-de-dac-trung-cua-chu-nghia-lang-man-qua-mot-so-truyen.html>
- [7] Đàn, T. (2020a, August 24). *Vài suy nghĩ về khuynh hướng siêu thực trong Thơ mới 1932 - 1945*. Tạp Chí Tao Đàn. <https://taodan.com.vn/vai-suy-nghi-ve-khuynh-huong-sieu-thuc-trong-tho-moi-1932-1945.html>
- [8] Đàn, T. (2020b, December 25). *Điều Tan – Nỗi đau vong quốc!* Tạp Chí Tao Đàn. <https://taodan.com.vn/dieu-tan-noi-dau-vong-quoc.html>
- [9] *Hồn buồn trường cửu trong thơ Huy Cận*. (2019, May 31). Ct.qdnd.vn. <https://ct.qdnd.vn/van-hoc-nghe-thuat/hon-buon-truong-cuu-trong-tho-huy-can-523631>
- [10] *Nỗi buồn trong thơ mới*. (2015, April 29). Xứ Nẫu. <https://xunauvn.org/2015/04/29/noi-buon-trong-tho-moi/>
- [11] Phan, T., & Anh, V. (2022). *PHONG TRÀO THƠ MỚI NHÌN TỪ GIAO THOA ÔNG - TÂY*. [https://csdlkhoa.hueuni.edu.vn/data/2023/6/Bai_chi_Vang_Anh_\(11_2022\).pdf?fbclid=IwAR1Z7xrsOo8XWUzMGt6WCzWTwywWzMHr9Ocd31QX4FNIYLMmu9DOPCDluO4](https://csdlkhoa.hueuni.edu.vn/data/2023/6/Bai_chi_Vang_Anh_(11_2022).pdf?fbclid=IwAR1Z7xrsOo8XWUzMGt6WCzWTwywWzMHr9Ocd31QX4FNIYLMmu9DOPCDluO4)
- [12] theki.vn. (2019, October 11). *Sự khẳng định mạnh mẽ cái “Tôi” trong Thơ mới*. Theki.vn. <https://theki.vn/su-khang-dinh-manh-me-cai-toi-trong-tho-moi/>
- [13] Yển, N. (2016). *VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI CÁI TÔI CÔ ĐƠN TRONG THƠ MỚI VÀ THƠ ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Trương Đăng Dung HÀ NỘI, 2016*. <https://vannghep.vn/wp-content/uploads/2016/11/C%C3%A1i-T%C3%B4i-c%C3%B4-%C4%91%C6%A1n-c%E1%BB%A7a-Th%C6%A1m%E1%BB%9Bi-v%C3%A0-th%C6%A1-%C4%90%C6%B0%C6%A1ng-%C4%91%E1%BA%A1.pdf>